

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **206/2017/HNGĐ-ST**
Ngày 31-8-2017
“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Việt Thắng.

2/ Bà Nguyễn Huỳnh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Từ ngày 29 đến ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 375/2017/TLST-HNGĐ ngày 23/6/2017 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 338/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2017 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

-Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1964

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2017 và lời trình bày nguyên đơn tại phiên tòa, thể hiện: Vào năm 1990 bà T và ông D tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo truyền thống, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời kỳ chung sống giữa bà T và ông D có 02 con chung tên: Trần Tấn L, sinh năm 1991; Trần Bé H, sinh năm 1993.

Về tài sản chung: Bà T cho rằng vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Bà T cho rằng vợ chồng không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, ông D nhiều lần đánh đập bà T, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài.

Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông D. Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Theo bản tự khai ngày 29/8/2017 và lời trình bày của bị đơn tại phiên tòa, thể hiện: Ông D thống nhất với lời trình bày của bà T về hôn nhân, về con chung là đúng sự thật.

Về tài sản chung: Ông D cho rằng vợ chồng có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông D cho rằng vợ chồng không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, ông D thừa nhận có nhiều lần đánh đập bà T vì nghi ngờ bà T ngoại tình. Ông D xác định vợ chồng sống vẫn còn hạnh phúc và ông D còn thương bà T.

Nay ông D yêu cầu được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn. Về tài sản chung, nợ chung, con chung ông D không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nếu có tranh chấp ông D sẽ khởi kiện yêu cầu sau.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Trần Văn Thời, nội dung tranh chấp là việc “ly hôn”, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại **Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.**

[2] *Xét về mối quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông D tự nguyện sống chung với nhau và đủ điều kiện kết hôn thì phải đăng ký theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch, nhưng bà T và ông D không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ **Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số**

01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 không công nhận bà T với ông D là vợ chồng là phù hợp;

[4] *Xét về con chung*: Bà T và ông D không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Xét về tài sản chung và nợ chung*: Bà T và ông D không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Xét về án phí*: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà T đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị T với ông Trần Văn D là vợ chồng.

2. Về án phí:

Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Bà T phải nộp 300.000 đồng, bà T đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0007097 ngày 21/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đường sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Từ Thanh Nhung